

Bản án số: 96 /2024/HNGĐ-ST.

Ngày 06 - 8 - 2024.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Chuyết.

Bà Hoàng Thị Thu Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy – Thư ký TAND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trục Ninh tham gia phiên tòa: Ông Đặng Trung Hiếu - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Trục Ninh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc M, sinh năm 1993. Trú tại: Thôn E, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Bị đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm B, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Chị M có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt lần 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc M trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Văn T ngày 14 tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2018 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị M nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Đức A, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2018, hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn chị đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 20 tháng 6 năm 2024, ông Trần Văn H (bố đẻ anh T) trình bày:

Anh Trần Văn T và chị Trần Thị Ngọc M kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T chị M, ông H không biết.

Ông H đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Ông đã thông báo cho anh T biết nội dung các văn bản trên nhưng anh T đang đi làm ăn xa, không về được, anh có quan điểm: anh đồng ý ly hôn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Vợ chồng có con chung đúng như chị M đã trình bày. Khi ly hôn anh T đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung, công nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, HĐXX đúng quy định của BLTTDS. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70; 71 BLTTDS.

Bị đơn đã được tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để giải quyết, không xuất trình chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình, vắng mặt tại phiên tòa, vi phạm quy định về quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại các Điều 70; 72 BLTTDS.

Tòa án hoãn phiên tòa do bị đơn vắng mặt lần thứ nhất, mở lại phiên tòa lần thứ hai xét xử vụ án khi nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227; 233; 238 BLTTDS.

Về nội dung: Xét thấy hôn nhân giữa chị M và anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Trần Thị Ngọc M.

Về con chung: Chấp nhận yêu cầu được nuôi dưỡng con chung Trần Đức A, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2018 của chị M. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản, công nợ: Chị M không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về án phí ly hôn: Chị M phải nộp theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Hội đồng xét xử nhận định, sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tổng đạt văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

Chị M có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, anh T vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh T chị M là đúng theo quy định tại Điều 227 BLTTDS.

[2] Về tình cảm: Chị Trần Thị Ngọc M và anh Trần Văn T kết hôn ngày 14 tháng 01 năm 2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7 năm 2018 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Quá trình Tòa án giải quyết anh T không có mặt.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa chị M anh T đã thực sự tan vỡ, mục đích hôn nhân không đạt được, vợ chồng không thể chung sống với nhau được nữa. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị M là phù hợp với quy định của pháp luật được HĐXX chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có con chung là Trần Đức A, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2018, hiện đang ở với chị M. Khi ly hôn chị M đề nghị được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

Xét yêu cầu của các đương sự về việc nhận nuôi con chung, HĐXX xét thấy: Cháu Trần Đức A hiện đang ở với chị M. Để đảm bảo việc chăm sóc nuôi dưỡng, ổn định học tập đối với con chung, xét thấy cần giao cho chị M tiếp tục nuôi dưỡng con chung là phù hợp với quy định của pháp luật. Chấp nhận yêu cầu của chị M về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con.

[4] Về tài sản chung, công nợ: Chị M không đề nghị giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí ly hôn: Chị Trần Thị Ngọc M phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; 56; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng về án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa chị Trần Thị Ngọc M và anh Trần Văn T.

2. Về con chung: Giao chị Trần Thị Ngọc M có trách nhiệm nuôi dưỡng con chung Trần Đức A, sinh ngày 18 tháng 4 năm 2018. Chấp nhận sự tự nguyện của chị M về việc không yêu cầu anh T cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Trần Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau ly hôn; không ai được cản trở, không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

4. Án phí: Chị Trần Thị Ngọc M phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng, chị M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004006 ngày 06 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định được trừ vào số tiền án phí chị M phải nộp. Chị M đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Anh Trần Văn T, chị Trần Thị Ngọc M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của BLTTDS.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế Thi hành án theo các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND xã Trục Hùng;
- UBND xã Đák Mól, huyện Đák Song, tỉnh Đák Nông;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Bùi Văn Dũng